

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS-PT
Ngày: 16 -12-2021
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Đặng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11 /2021/DS-ST, ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện Cầu Ngang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:18/2021/QĐPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Thông báo dời ngày xét xử số 17/TB-TA ngày 03/12/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp C, xã H, Huyện C, tỉnh Trà Vinh(vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975.Địa chỉ: số 200, đường P, khóm 2, phường 7, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1960 (có mặt).

Bà Dương Thị T, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã M, Huyện C, tỉnh Trà Vinh.

-Người có quyền lợi, nghĩa, vụ liên quan: Ông Sơn Văn B, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, Huyện C, tỉnh Trà Vinh (xin giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Trung T và bà Dương Thị T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị B trình bày: Ngày 03/10/2019 âm lịch vợ chồng ông Nguyễn Trung T, bà Dương Thị T có đến nhà bà vay 43,5 chỉ vàng 24Kra, loại vàng 99,99%, có viết tờ cam kết nhận nợ và thỏa thuận đến tháng 05/2020 âm lịch sẽ trả cho bà nợ gốc 10 chỉ vàng 24Kra, không có thỏa thuận trả lãi và thời gian trả số vàng nợ gốc còn lại, đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T, bà T không đến trả nợ cho bà theo đúng thỏa thuận đã ký cam kết, bà đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trung T, bà Dương Thị T trả cho bà số vàng đã vay còn nợ 43,5 chỉ vàng 24Kra, loại vàng 99,99%, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2021, các lời khai trong bị đơn ông Nguyễn Trung T, Dương Thị T trình bày. Tháng 01/2013 ông và vợ ông là bà Dương Thị T có vay của bà Nguyễn Thị B 03 chỉ vàng 24Kra, loại vàng 99,99%, thỏa thuận lãi suất 01 chỉ vàng 24Kra một năm phải lãi bằng 0,5 chỉ vàng 24Kra (50%/năm), do hoàn cảnh làm ăn khó khăn không trả được nợ nên bà B tính lãi cộng vào vốn và yêu cầu ông viết cam kết nhận nợ mới để tính lãi của năm tiếp theo. Ngày 03/10/2019 âm lịch, bà B yêu cầu vợ chồng ông đến nhà bà để viết tờ cam kết nhận nợ và hứa không tính lãi nữa nên ông đã viết tờ cam kết còn nợ bà B 43,5 chỉ vàng. 24Kra và thỏa thuận đến tháng 05/2020 âm lịch trả cho bà B 10 chỉ vàng 24Kra, Thực tế vợ chồng ông chỉ có vay 03 chỉ vàng nên không đồng ý theo yêu cầu bà B. Nay ông đồng ý cùng bà T trả cho bà B số vàng đã vay nợ gốc là 03 chỉ vàng 24Kra, loại vàng 99,99%, không có yêu cầu gì khác.

Theo lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn Văn B trình bày: Ngày 03/10/2019 âm lịch, ông Nguyễn Trung T, bà Dương Thị T có đến nhà ông và thỏa thuận vay của vợ ông là bà Nguyễn Thị B 43,5 chỉ vàng 24Kra, loại vàng 99,99%, có viết tờ cam kết nhận nợ và thỏa thuận đến tháng 05/2020 âm lịch sẽ trả 10 chỉ vàng nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông thống nhất với bà B về việc yêu cầu ông T, bà T trả số vàng đã vay còn nợ 43,5 chỉ vàng 24Kra, loại vàng 99,99%, không yêu cầu tính lãi. Trường hợp Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà B thì vợ chồng ông tự thỏa thuận với nhau về số vàng này, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân Huyện C đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc ông Nguyễn Trung T, bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B giá trị 43,5 chỉ vàng 24Kra loại vàng 99,99%, bằng số tiền 225.982.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi hai nghìn năm trăm)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2021 ông Nguyễn Trung T và bà Dương Thị T kháng cáo không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị B 43,5 chỉ vàng chỉ đồng ý trả 03 chỉ vàng 24 k

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung T và bà Dương Thị T chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị B 03 chỉ vàng 24 K. Ông T bà T khai năm 2013 vợ chồng ông vay của bà B 03 chỉ vàng 24k lãi suất một năm 1 chỉ bằng 0,5 chỉ vàng 24k. Do vay không có tiền trả nên hàng năm bà B tính vốn và lãi tăng lên nên ngày 03/10/2019 bà B kêu vợ chồng ông viết tờ cam kết vay của bà B 43,5 chỉ vàng 24k và bà B khoan nợ không tính lãi. Ông T có cung cấp chứng cứ là 02 tờ cam kết ngày 03/02/2018 và ngày 03/12/2018. BàB khai ngày 03/10/2019 cho vợ chồng Ông T bà T vay 43,5 chỉ vàng 24k. Trước đây có cho ông T vay nhiều lần nhưng đã trả xong.

[2] Qua xem xét hai tờ cam kết 02 tờ cam kết ngày 03/02/2018 và ngày 03/12/2018 do ông T cung cấp, BàB không thừa nhận có 2 tờ cam kết này, Tờ cam kết do anh T tự viết bà không biết nội dung này. Hai tờ cam kết này do ông T viết và ông T giữ không có xác nhận của bàB, bàB khai bà cũng không biết 2 tờ biên nhận này, nên 2 tờ biên nhận do ông T cung cấp không có giá trị chứng minh là bàB cho ông T vay vàng lãi nhập vốn vì ngày 3/02/2018 đến 3/12/2018 là chưa đủ một năm để tính lãi mặt khác tờ cam kết ngày 03/2/2018 đã gạch bỏ và ghi chữ xong nhưng tờ cam kết ngày 03/12/2018 thì còn nguyên không xóa bỏ.

[3] Tờ cam kết ngày 3/10/2019 của bàB cung cấp ông T thừa nhận chữ viết và ký tên của ông. Nội dung tờ cam kết ghi: *hôm nay ngày mùng 3 tháng 10 năm 2019 vợ chồng tôi có hỏi vay của côB số vàng 24 k bằng 43 chỉ 5 phân*. Nội dung không thể hiện việc thiếu nợ phải viết cam kết trả nợ như ông T khai. Mặt khác ông T cũng khai viết cam kết để khoan nợ không tính lãi. Như vậy mặc nhiên ông T thống nhất số nợ còn thiếu bàB bằng 43,5 chỉ vàng.

Từ các chứng cứ nêu trên ông T bà T không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh chỉ vay của bà B số vốn bằng 03 chỉ vàng 24 k. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông T bà T phải trả cho bà B bằng 43,5 chỉ vàng 24 K là có căn cứ. Yêu cầu kháng cáo của ông T bà T là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Ý kiến của vị kiểm sát viên là không phù hợp với chứng cứ và tình tiết của vụ án nên không được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Ông T bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 19 nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung T và bà Dương Thị T

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân Huyện Cầu N

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Trung T, bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B giá trị 43,5 chỉ vàng 24K loại vàng 99,99% tương đương 225.982.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi hai nghìn năm trăm)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị sửa tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND Huyện C;
- Chi cục THADS Huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung